

KREMIL-S FR – Viên nén

Hộp 5 vỉ x20 viên

<https://trungtamthuoc.com/>

591/164

BỘ Y TẾ
CỤC QUẢN LÝ DƯỢC
ĐÃ PHÊ DUYỆT

Lần đầu: 27/03/2018



THÀNH PHẦN
Mỗi viên có mui bạc hạ chứa:
Nhóm hydroxyd-Magnesi carbonat: 325 mg
Dimethylpolysiloxan: 10 mg
Dicyclomin HCl: 2,5 mg
Bảo quản ở nơi khô ráo, tránh ánh sáng, nhiệt độ không quá 30°C

CHỈ ĐỊNH
Điều trị và phòng ngừa các triệu chứng loét dạ dày tá tràng và chứng khó tiêu cơ năng đặc biệt ở những bệnh nhân bị đau dạ dày do tăng tiết acid, có thể có kèm theo hội chứng ruột kích thích (IBS) và đầy hơi. Ngoài ra thuốc còn được chỉ định làm giảm triệu chứng viêm viêm thực quản, viêm dạ dày.

SDK:
ĐỌC KỸ HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG TRƯỚC KHI DÙNG
BỀ XÀ TAY TRƯỚC KHI DÙNG

Kremil-S[®] FR
TRỊ ĐAU DẠ DÀY



- Giảm nóng rát dạ dày
- Giảm ợ nóng, ợ chua
- Chống đầy hơi

Sản xuất tại: CÔNG TY TNHH UNITED INTERNATIONAL PHARMA
WHO-GMP, GLP, GSP
Số 16 VSP II, Đường số 7, Khu Công Nghiệp, Việt Nam-Singapore II
Phường Hòa Phú, Quận Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh
ĐT: 08-38421020
*Bảng kê nhãn hiệu United Laboratories, Inc.

COMPOSITION
Each mint-flavored tablet contains:
Aluminum Hydroxide-Magnesium Carbonate: 325 mg
Dimethylpolysiloxane: 10 mg
Dicyclomine HCl: 2,5 mg

INDICATIONS
Treatment and prophylaxis of symptoms of peptic ulcer and functional dyspepsia especially in patients in whom gastric distress results from hyperacidity, smooth muscle spasm including irritable bowel syndrome (IBS) and flatulence. Also indicated for symptomatic relief in esophagitis, gastritis.

KEEP OUT OF REACH OF CHILDREN
READ THE PACKAGE INSERT CAREFULLY BEFORE USE

Barcode

Dosage and instruction for use, contraindications and other information, please refer to the package insert

Store in dry place, out of direct sunlight, at temperatures not exceeding 30°C

Kremil-S[®] FR
RELIEF OF GASTRIC PAIN



- Relieves gastric pain
- Relieves heartburn, sour belching
- Relieves flatulence

Manufactured by UNITED INTERNATIONAL PHARMA CO., LTD.
WHO-GMP, GLP, GSP
No. 16 VSP II, Street No.7, Vietnam-Singapore II Industrial Park,
Bình Dương Industrial - Service - Urban Complex,
Hòa Phú, Quận Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh, Bình Dương Province, Vietnam
ĐT: 08-38421020
*Registered trademark of United Laboratories, Inc.

5 blisters x 20 tablets

PM Code

HD Exp

NSX Mfg

Số lot XS 01

:# tot XS 01

Kremil-S[®] FR
TRỊ ĐAU DẠ DÀY

KREMIL-S FR – Viên nén
Hộp 5 vỉ x20 viên

<https://trungtamthuoc.com/>

KREMIL-S FR – Viên nén

Hộp 5 vỉ x 20 viên

5 mm

100 mm

5 mm

100 mm

5 mm

<https://trungtamthuoc.com/>



Kremil-S[®] FR

325 mg
10 mg
2.5 mg

Hydroxy-Magnesium Carbonate
Dimethylglycine
Dicyclanil HCl

UNITED INTERNATIONAL PHARMA

• Giảm nóng rất dậ dày

• Giảm ợ nóng, ợ chua

• Chống đầy hơi

TRỊ ĐAU DẠ DÀY

Nhiệm Hydroxy-Magnesium Carbonate..... 325 mg

Dimethylglycine..... 10 mg

Dicyclanil HCl..... 2.5 mg

CTY TNHH UNITED INTERNATIONAL PHARMA

Kremil-S[®] FR

325 mg
10 mg
2.5 mg

Hydroxy-Magnesium Carbonate
Dimethylglycine
Dicyclanil HCl

UNITED INTERNATIONAL PHARMA

• Giảm nóng rất dậ dày

• Giảm ợ nóng, ợ chua

• Chống đầy hơi

TRỊ ĐAU DẠ DÀY

Nhiệm Hydroxy-Magnesium Carbonate..... 325 mg

Dimethylglycine..... 10 mg

Dicyclanil HCl..... 2.5 mg

CTY TNHH UNITED INTERNATIONAL PHARMA

Kremil-S[®] FR

325 mg
10 mg
2.5 mg

Hydroxy-Magnesium Carbonate
Dimethylglycine
Dicyclanil HCl

UNITED INTERNATIONAL PHARMA

• Giảm nóng rất dậ dày

• Giảm ợ nóng, ợ chua

• Chống đầy hơi

TRỊ ĐAU DẠ DÀY

Nhiệm Hydroxy-Magnesium Carbonate..... 325 mg

Dimethylglycine..... 10 mg

Dicyclanil HCl..... 2.5 mg

CTY TNHH UNITED INTERNATIONAL PHARMA

Kremil-S[®] FR

325 mg
10 mg
2.5 mg

Hydroxy-Magnesium Carbonate
Dimethylglycine
Dicyclanil HCl

UNITED INTERNATIONAL PHARMA

• Giảm nóng rất dậ dày

• Giảm ợ nóng, ợ chua

• Chống đầy hơi

TRỊ ĐAU DẠ DÀY

Nhiệm Hydroxy-Magnesium Carbonate..... 325 mg

Dimethylglycine..... 10 mg

Dicyclanil HCl..... 2.5 mg

CTY TNHH UNITED INTERNATIONAL PHARMA

Kremil-S[®] FR

325 mg
10 mg
2.5 mg

Hydroxy-Magnesium Carbonate
Dimethylglycine
Dicyclanil HCl

UNITED INTERNATIONAL PHARMA

• Giảm nóng rất dậ dày

• Giảm ợ nóng, ợ chua

• Chống đầy hơi

TRỊ ĐAU DẠ DÀY

Nhiệm Hydroxy-Magnesium Carbonate..... 325 mg

Dimethylglycine..... 10 mg

Dicyclanil HCl..... 2.5 mg

CTY TNHH UNITED INTERNATIONAL PHARMA

Kremil-S[®] FR

325 mg
10 mg
2.5 mg

Hydroxy-Magnesium Carbonate
Dimethylglycine
Dicyclanil HCl

UNITED INTERNATIONAL PHARMA

• Giảm nóng rất dậ dày

• Giảm ợ nóng, ợ chua

• Chống đầy hơi

TRỊ ĐAU DẠ DÀY

Nhiệm Hydroxy-Magnesium Carbonate..... 325 mg

Dimethylglycine..... 10 mg

Dicyclanil HCl..... 2.5 mg

CTY TNHH UNITED INTERNATIONAL PHARMA

Kremil-S[®] FR

325 mg
10 mg
2.5 mg

Hydroxy-Magnesium Carbonate
Dimethylglycine
Dicyclanil HCl

UNITED INTERNATIONAL PHARMA

• Giảm nóng rất dậ dày

• Giảm ợ nóng, ợ chua

• Chống đầy hơi

TRỊ ĐAU DẠ DÀY

Nhiệm Hydroxy-Magnesium Carbonate..... 325 mg

Dimethylglycine..... 10 mg

Dicyclanil HCl..... 2.5 mg

CTY TNHH UNITED INTERNATIONAL PHARMA

Kremil-S[®] FR

325 mg
10 mg
2.5 mg

Hydroxy-Magnesium Carbonate
Dimethylglycine
Dicyclanil HCl

UNITED INTERNATIONAL PHARMA

• Giảm nóng rất dậ dày

• Giảm ợ nóng, ợ chua

• Chống đầy hơi

TRỊ ĐAU DẠ DÀY

Nhiệm Hydroxy-Magnesium Carbonate..... 325 mg

Dimethylglycine..... 10 mg

Dicyclanil HCl..... 2.5 mg

CTY TNHH UNITED INTERNATIONAL PHARMA

PM Code

Tất cả thông tin về số lô SX, hạn dùng sẽ được in phun hoặc dập nổi trong quá trình sản xuất theo thông tư hướng dẫn ghi nhãn thuốc số 06/2016/TT-BYT ngày 08 tháng 03 năm 2016

<https://trungtamthuoc.com/>



Kremil-S[®] FR



VIÊN NÉN

THÀNH PHẦN

Mỗi viên có mùi bạc hà chứa:

Nhôm hydroxyd-Magnesi carbonat.....	325 mg
Dimethylpolysiloxan.....	10 mg
Dicyclomin HCl.....	2,5 mg

Tá dược: Tinh bột, Saccharin sodium, Povidon, Sodium Lauryl Sulfat, Ethanol, Tinh Dầu Bạc Hà, Magnesium Stearat.

Kremil-S[®] FR được dùng để điều trị viêm loét dạ dày tá tràng với 3 tác dụng: trung hòa acid, chống đầy hơi và giảm co thắt cơ trơn đường tiêu hóa. Nhôm hydroxyd-Magnesi carbonat trung hòa acid dịch vị, giúp giảm các cơn đau do loét dạ dày tá tràng. Dimethylpolysiloxan làm giảm triệu chứng đầy bụng mà các bệnh nhân loét dạ dày tá tràng thường gặp phải. Dicyclomin HCl làm giảm tình trạng co thắt thái quá của các cơ ở dạ dày ruột, giúp giảm cơn đau do loét dạ dày tá tràng gây ra.

CHỈ ĐỊNH

Điều trị và phòng ngừa các triệu chứng loét dạ dày tá tràng và chứng khó tiêu cơ năng đặc biệt ở những bệnh nhân bị đau dạ dày do tăng tiết acid, co thắt cơ trơn bao gồm hội chứng ruột kích thích (IBS) và đầy hơi. Ngoài ra thuốc còn được chỉ định làm giảm triệu chứng trong viêm thực quản, viêm dạ dày.

LIỀU LƯỢNG VÀ CÁCH SỬ DỤNG

Liều dùng cho người lớn: 2 đến 4 viên mỗi 4 giờ khi cần hoặc theo sự hướng dẫn của thầy thuốc.

Viên có thể nhai hoặc nuốt.

CHỐNG CHỈ ĐỊNH

Mẫn cảm với bất kỳ thành phần nào của thuốc.

Thuốc này không nên dùng ở bệnh nhân bị liệt ruột hoặc hẹp môn vị vì có thể dẫn đến tắc ruột. Cũng chống chỉ định ở những bệnh nhân bị glaucom góc đóng hay bệnh nhân bị góc hẹp giữa mống mắt và giác mạc, vì thuốc có thể làm tăng áp lực trong mắt.

THẬN TRỌNG

Trong trường hợp suy chức năng thận, muối magnesi có thể gây trầm cảm hệ thần kinh trung ương.

Sử dụng thận trọng đối với bệnh nhân thiếu năng động mạch vành, suy tim hoặc phì đại tuyến tiền liệt. Nhanh nhịp tim có thể là do ức chế dây thần kinh phế vị hoặc gây ra chứng đau thắt ngực ở bệnh nhân có bệnh mạch vành.

Phụ nữ có thai và cho con bú:

Phụ nữ có thai chỉ nên dùng thuốc này khi thật sự cần thiết.

Không dùng thuốc này cho phụ nữ cho con bú.

Ảnh hưởng lên khả năng lái xe và vận hành máy móc:

Thận trọng khi sử dụng cho người đang lái xe hoặc vận hành máy móc.

TÁC DỤNG PHỤ

Nhôm hydroxyd-Magnesi carbonat

Giảm phosphat máu, miệng đắng, tiêu chảy khi dùng thuốc kéo dài và liều cao.

Ngộ độc nhôm, nhuyễn xương có thể xảy ra ở người bệnh có hội chứng ure máu cao.

Dimethylpolysiloxan

Dimethylpolysiloxan rõ ràng là không độc, chưa có báo cáo nào về tác dụng phụ

Dicyclomin HCl

Chất giảm co thắt (dicyclomin HCl) có thể gây khô miệng, hoa mắt, nhìn kém đối với những bệnh nhân mẫn cảm. Thỉnh thoảng, một vài bệnh nhân thấy có biểu hiện mệt mỏi, buồn nôn, nhức đầu, tiêu khó.

Xin thông báo cho bác sĩ những tác dụng không mong muốn gặp phải khi dùng thuốc

QUA LIỀU VÀ CÁCH XỬ TRÍ

Không có thông tin liên quan.

TƯƠNG TÁC THUỐC

Nhôm hydroxyd có thể làm giảm hấp thu của các thuốc: tetracyclin, digoxin, indomethacin, muối sắt, isoniazid, allopurinol, benzodiazepin, corticosteroid, penicilamin, phenothiazin, ranitidin, ketoconazol, itraconazol.

Thuốc kháng acid chứa magnesi làm tăng tác dụng của các thuốc: amphetamin, quinidin. Sử dụng đồng thời dicyclomin và viên nén digoxin tan chậm có thể làm tăng nồng độ digoxin trong huyết thanh và làm giảm sự hấp thu của ketoconazol.

Chưa ghi nhận tương tác thuốc với dimethylpolysiloxan.

TRÌNH BÀY

Hộp 5 vỉ x 20 viên nén

BẢO QUẢN

Bảo quản ở nơi khô, tránh ánh sáng, nhiệt độ không quá 30°C

HẠN DÙNG: 36 tháng kể từ ngày sản xuất.

ĐỂ XA TẮM TAY TRẺ EM

**ĐỌC KỸ HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG TRƯỚC KHI DÙNG
NẾU CẦN THÊM THÔNG TIN XIN HỎI Ý KIẾN BÁC SĨ.**

Sản xuất tại CÔNG TY TNHH UNITED INTERNATIONAL PHARMA

WHO-GMP, GLP, GSP

Số 16 VSIP II, Đường số 7, Khu Công Nghiệp Việt Nam-Singapore II,

Khu Liên Hợp Công Nghiệp – Dịch Vụ – Đô Thị Bình Dương,

Phường Hòa Phú, Thành Phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

ĐT: 08-39621000

®Đăng ký nhãn hiệu United Laboratories, Inc.



TUQ.CỤC TRƯỞNG
P.TRƯỞNG PHÒNG
Nguyễn Ngọc Anh